

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT VỀ THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI TÂY BẮC TRONG THƠ NGUYỄN QUANG BÍCH

Ngô Thị Phượng & Lê Thị Xuân Liên
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Nguyễn Quang Bích là nhà thơ lớn của văn học trung đại thời kì đầu chống Pháp. Thơ văn của ông có một đề tài lớn, đó là đề tài về Tây Bắc. Tây Bắc có núi non hùng vĩ, hiểm trở; khí hậu khắc nghiệt; vẻ thơ mộng thi vị; sự bình dị, ấm áp hơi thở của cuộc sống con người. Tây Bắc cũng là vùng đất có nhiều bà con dân tộc ít người sinh sống. Con người Tây Bắc mộc mạc và bình dị, thục thái và giàu tình cảm. Qua nội dung thơ văn, người đọc thấy được tình yêu lớn lao của tác giả dành cho quê hương đất nước.

Từ khoá: Nguyễn Quang Bích, thơ văn, Tây Bắc.

1. MỞ ĐẦU

Tây Bắc là nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn trong văn chương Việt Nam. Núi rừng huyền hồ, cảm thức phương xa xứ lạ, nền văn hoá đa sắc tộc và ma mị đã tạo nên sức quyến rũ với các nhà văn, nhà thơ. Trong số những nhà thơ, nhà văn miền xuôi sớm đặt chân lên Tây Bắc, chúng ta không thể không nhắc tới Nguyễn Quang Bích – “người anh hùng của núi rừng” [5, 410].

Nguyễn Quang Bích là tuần phủ Hưng Hoá cuối thế kỉ XIX. Không chỉ là một viên quan yêu nước, ông còn được người đọc biết đến với tư cách một nhà thơ, nhà văn. Nghệ thuật không phải là mảnh đất của sự dễ dãi, do đó, nhà văn, nhà thơ thường tạo riêng cho mình một con đường. Quan Tuần phủ Kiến Xương cũng vậy, ông đã mau chóng nắm bắt vẻ đẹp Tây Bắc bởi cái thần thái độc đáo: “*Chúng thủy giai đông tẩu/ Đà Giang độc Bắc lưu*” (Mọi dòng sông đều chảy về hướng đông/ Chỉ có sông Đà chảy theo hướng Bắc). Chính vì lẽ đó, khi giới thiệu và chú thích thơ văn Nguyễn Quang Bích, nhà nghiên cứu Đinh Xuân Lâm đã viết: “Dưới ngòi bút của Nguyễn Quang Bích, thiên nhiên Tây Bắc đã đi vào văn thơ với những màu sắc độc đáo, những hương vị riêng biệt của nó” [1, 30]. Khảo sát và thẩm bình, chúng tôi nhận thấy rằng, ở nội dung nói trên, thơ Nguyễn Quang Bích được chia làm hai mảng lớn, đó là thiên nhiên Tây Bắc và con người Tây Bắc.

2. NỘI DUNG

2.1. Thiên nhiên Tây Bắc

Viết về Tây Bắc, Nguyễn Quang Bích giải bày tính cảm thiết tha, mãnh liệt, nồng nàn về vùng đất vốn khắc nghiệt nhưng cũng đầy ma mị, về thiên nhiên, về núi rừng, về một thời gian khổ lãng mạn, hào hùng và hào hoa. Tình cảm ấy bộc lộ ngay trong nhan đề các bài thơ. Dường như mỗi bài thơ là một nỗi trăn trở, một lời tâm sự, trò chuyện đầy nội cảm và trầm mặc, bộc lộ nỗi lòng với Tây Bắc, với đoàn quân và đồng đội của mình, mỗi câu thơ là một lời chiêm nghiệm, một cái nắm tay nồng ấm, lắng sâu.

Hồn thơ Nguyễn Quang Bích đã bộc lộ sâu sắc, tinh tế thái độ ân nghĩa, ân tình đối với Tây Bắc. Ông thao thiết gọi tên rất nhiều địa danh ở Tây Bắc với thái độ trân trọng, trù mến như Đại Lịch (Văn Chấn – Yên Bái), Chiêu Tấn (Bình Lư, Phong Thổ - Lai Châu), Quy Hoá, Bảo Thắng (Lào Cai), Tân Nhai (Lào Cai), Chiến Than (Sơn La), Quỳnh Nhai (Sơn La), Thái Bình (Sơn La), Lai Châu, Thượng Bằng La (Văn Chấn – Yên Bái), Dụ Phong (Yên Bái, Lào Cai), Yên Lập (Phú Thọ)... Trong lịch sử thơ văn cùng thời, có thể khẳng định chắc chắn rằng, chưa có nhà văn, nhà thơ nào viết về Tây Bắc với nhiều địa danh như vậy. Từ hệ thống những địa danh đó, người đọc có thể tái hiện lại hành trình di chuyển của Nguyễn Quang Bích kể từ khi lên nhậm chức cho tới khi trở về. Qua những địa danh được ghi lại trong thơ, người đọc còn thấy được tình cảm sâu nặng của nhà thơ với mỗi vùng đất mình đi qua, phải chăng “đất đã hoá tâm hồn” vị Tuần phủ này.

Viết về Tây Bắc, Nguyễn Quang Bích đã khái quát lên một bức tranh toàn cảnh với 4 dấu ấn lớn: *núi non hùng vĩ, hiểm trở; khí hậu khắc nghiệt; vẻ thơ mộng thi vị; sự bình dị, ấm áp hơi thở của cuộc sống con người.*

Đặc điểm dễ nhận ra nhất của bức tranh Tây Bắc trong thơ Nguyễn Quang Bích là *núi non hùng vĩ, hiểm trở*. Sinh ra và lập danh ở đất đồng bằng Kiến Xương, Thái Bình, thừa ban đầu tới miền sơn cước, ông không khỏi ngỡ ngàng vì sự kì thú của tạo vật. Tập *Ngư phong* của Nguyễn Quang Bích gồm 100 tác phẩm thì có tới 33 bài thơ ghi lại sự hùng vĩ này. Đa dạng trong lối miêu tả và biểu cảm, Nguyễn Quang Bích đã vẽ nên một bức tranh tổng thể hoàn mỹ về thiên nhiên sống động, chân thực của Tây Bắc. Dưới ngòi bút của ông, sự vật tựa quây như một sinh thể sống. Núi rừng, sông suối không vô tri mà được nhân hoá như con người vậy. Núi cao và kiêu ngạo như đang chọc thủng cả chín tầng mây:

*Non xanh một ngọn cao ngàn trượng,
Ngát ngưỡng ngang trời, đẽo chẳng nên.*

(Trên đường Hoà Lai)

Hai chữ “thốc sủ” trong bản nguyên tác chưa dịch sát nghĩa, chưa làm rõ cái dữ dội, mạnh mẽ (chọc thẳng lên) của núi cao và nhọn. Nhưng nhìn vào chất liệu ngôn từ, người đọc có thể hình dung được phong cách nghệ thuật của quan Tuần phủ. Ông dường như không thích các chữ sơn son thiếp vàng ước lệ, cái đóng băng cứng nhắc với trạng thái tĩnh tại công thức của Đường thi chuẩn mực. Nguyễn Quang Bích thường tái hiện chân thực sự vật như bản chất của nó trong thực tại khách quan, vì vậy, sự vật thường tựa quây, đơn sơ, ở trạng thái động. Lối diễn đạt bằng trực giác khiến người đọc không ngừng liên tưởng tới nét vẽ đơn sơ và nhanh chóng của Hồ Xuân Hương trong bài *Đèo Ba Dội*:

*Một đèo, một đèo, lại một đèo
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.*

Tây Bắc không chỉ có núi cao chất ngất, Tây Bắc còn có cả những con sông, con suối hung bạo và trữ tình. Thác sông Hồng dài một dải, đổ xuống, dốc ngược như từ trên mái nhà (Sông

Hồng). Thác Chiến Than của sông Đà còn dữ tợn, hiểm trở hơn:

*Nước reo sùng sục như trâu rống,
Đá mọc lơ xô tựa mũi tên.*

(Qua thác Chiến Than)

Sau này, trong văn học 1945 – 1975, hậu bối Nguyễn Tuân đã theo bước chân Nguyễn Quang Bích khi cùng tìm về âm thanh của thác sông Đà. “Nhà tùy bút số 1” của thời đại cũng có những cảm nhận về thác sông Đà rất giống tiền nhân nên đã chấp bút viết kí *Người lái đò sông Đà*: “Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cũng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng” [3, 70]. Nguyễn Quang Bích sống nhiều năm ở Tây Bắc nên ông thấu cảm về tự nhiên nơi này. Con sông Đà Tây Bắc muốn xuôi dòng phải trải qua những trùng vi khúc khuỷu “Đường lên Mường Lễ bao xa/ Trăm bảy cái thác, trăm ba cái ghềnh”. Chính vì phải vượt qua muôn núi ngàn khe cho nên sông Đà khác sông Hồng và các con sông đồng bằng khác. Sự dữ dội của sông Đà được nhà thơ ví như mãnh thú:

*Trận rắn thê bò sông uốn khúc,
Đoàn quân gấu dữ, núi như nêm.*

(Qua thác Chiến Than)

Con sông Đà Tây Bắc có cả một “chân trời đá”. Đá hai bên bờ cao vượt chín tầng Vân Hán. Dưới nước, đá hỗn loạn vẫn ngàn năm mai phục làm nghẽn cả lòng sông. Sóng xô đá, đá xô sóng, sóng thét gào xô gió. Thác thét gào suốt ngày đêm như sấm dậy. Sóng xô vào đá tạo nên những cảnh tượng hãi hùng:

*Lưỡng ngạn cao sơn bạc Hán vân,
Thôi ngôi loạn thạch chướng gian phân,
... Thạch kích ba xung nhất hải quan.*

(Quá Điền Phòng đại than)

(Hai bên bờ, núi cao vượt chín tầng Vân Hán,

Đá lởm chởm ngồn ngang làm nghẽn cả dòng sông

... Sóng xô vào đá tạo nên cảnh tượng thật hãi hùng)

(Qua thác lớn Điền Phòng)

Núi cao, đường đi thật nhiều dốc. Nguyễn Quang Bích đã ghi chép lại cách di chuyển phổ biến ở miền núi. Để lên được núi cao thì phải đi “bao vòng quanh núi” (Lên núi Thái Bình), có nhiều khi “bước bước vin trèo mà không tìm ra lối đi/ Đường đá gồ ghề, từng đận khó khăn” (Đi đường núi). Khoảng 50 năm sau, con đường hành quân gian lao đó cũng được Quang Dũng ghi lại trong bài thơ *Tây Tiến*: “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm”, “Nghìn thước lên cao, nghìn thước xuống”. Thêm vào đó, ở đây, quanh năm lam chướng: “Khấp miền khói lam chướng càng đi càng thấy bồi hồi” (Tiếp thư của Phụ chính đại thần gửi về). Giữa làn sương chiều bảng lảng, từ trên cao nhìn xuống, đây vực hun hút gợi không gian vời vợi, vũ trụ vô tận: “những ngọn núi quây quần chỉ như những cùn đất”. Còn nếu nhìn ngược từ dưới thung lũng trở lên thì lại có cảm nhận khác “Nghìn tầng cao ngất núi chênh vênh” (Lên núi Thái Bình). Con người cảm thấy mình như một sinh linh bé bỏng trong bàn tay khổng lồ của tạo hoá.

Viết về Tây Bắc, Nguyễn Quang Bích dành nhiều bài thơ để tả mưa rừng. Trong số 100 tác phẩm để lại cho đời sau viết về Tây Bắc thì có tới 16 bài thơ viết về mưa, nằm rải rác từ đầu đến cuối tập *Ngư Phong*. Nhà thơ dường như đang bị ám ảnh bởi những “biến thể” mưa, phần lớn là những cơn mưa bất ngờ, mưa lớn, chỉ một trận như trút là làm “nước khe nổi sóng” (Gặp mưa trên đường Đại Lịch), mưa tạo ra bao sông suối (Sơn hành), mưa rào bất chợt khiến “nước chảy xiết, suối âm vang dội lên” (Trên động Mán, sau trận mưa, cảm tác), mưa gió kéo dài mấy ngày liền (Ngày Đoan Dương tránh giặc gặp mưa, qua khe nhỏ hái xương bò về cất rượu uống)... Với nhà thơ, mưa đem lại sự sống, mưa làm cho “Ngân rêu đượm nước mưa trông mơn mớn” (Trên núi), “Trận mưa sáng nay nhà nông thoả lòng mong đợi” (Tiết trùng cừ ở nhà sàn trên núi). Mặc dù vậy, phần lớn những biến thể mưa đều đem lại nỗi buồn: “Mưa gió liên miên khiến người sầu cảm”. Gió mưa khiến lòng khách tiêu sơ u uất. Mưa gợi

cho nhà thơ nhiều kỉ niệm: nhớ cha mà xót thương day dứt (Ngày giỗ cha mừng năm tháng sáu), nghĩ ngợi về con đường hoạn lộ lắm chông gai, chịu ơn hiền thánh mà chưa trọn vẹn nghĩa vua tôi (Khí số lớn của trời đất), nghĩ về tuổi cao, tóc bạc mà nhớ về quá khứ hăm hở còn tương lai vô định (Dời chỗ ở đến Thượng Bằng La, châu Văn Chấn)... Khi có mưa, không phải hành quân, nhà thơ mới có khoảng thời gian nghỉ cho mình, nhìn cuộc đời trôi chậm, cảm giác cô đơn xâm lấn. Dường như mưa thức tỉnh con người cá nhân, đánh tráo con người nghĩa vụ. Bằng ngòi bút tả thực, Nguyễn Quang Bích đã khắc hoạ những nét biểu trưng về khí hậu vùng Tây Bắc với một mùa khô và một mùa mưa rõ rệt. Đây là một hiện thực, vì vậy, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp ở thế kỉ XX cũng xác nhận điều này. Có vẻ như mưa cũng khiến Nguyễn Huy Thiệp sợ hãi nhất. Mưa mềm mại nhưng như khoan, như dùi, nó “thấm vào vách nhà, vào lòng người”. Trong tác phẩm *Chuyện tình kể trong đêm mưa*, ông tổng kết: “Mưa ở vùng Tây Bắc Việt Nam, một thứ mưa nhiệt đới dai dẳng, tưởng như không dứt, tưởng như không thôi, tưởng như không bao giờ hết được...” [2, 474].

Mảnh đất Tây Bắc không chỉ hùng vĩ, hiểm nguy mà còn chứa đựng vẻ thơ mộng thi vị. Trong bức tranh hiện thực đó xuất hiện sương sớm, mây trời mêng mông và chim ca hót. Vẻ đẹp ấy trong trẻo qua lối viết nhẹ nhàng. Hậu sinh Quang Dũng cũng viết về sương Tây Bắc “Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi/ Mường Lát hoa về trong đêm hơi” [4, 87]. Trước Quang Dũng gần một thế kỉ, Nguyễn Quang Bích đã viết về sương: “Sáng mai, sương đầm đìa nhỏ giọt từ ngọn cây xuống” (Đêm đến trong rừng không có nhà dân, dựng lều để ở). Văn Nguyễn Huy Thiệp sau này cũng viết về sương: “Sương mù đang còn dày đặc, người đi chợ như đi trong mơ, cách một sải tay chẳng nhìn thấy gì. Sương mù ở vùng núi cao khác với sương mù ở vùng đồng bằng: nó dày đặc, nó như màn sữa loãng, mênh mông bí ẩn, không hoang tưởng, không làm hại ai, nó là khí núi tan ra rồi tụ lại; nó không phải hơi nước, hơi bụi...” (Chuyện tình kể trong đêm mưa), [2, 455]. Đặc biệt hơn nữa,

bức tranh thơ mộng của Nguyễn Quang Bích có rất nhiều hình ảnh của mây trời: “mây bao quanh đỉnh núi, đẹp như tranh vẽ” (Trên đường Quỳnh Nhai), khách bộ hành như đi trong mây “Mây và mưa tưởng như đều ở tầng dưới cả” (Lên núi Thái Bình – Yên Châu), chợ họp ở trên đỉnh núi nên “nửa phần khói bếp, nửa phần mây” (Nghỉ ở trại núi Thái Bình), giống như một bức tranh thủy mặc, cõi bồng lai tiên cảnh. Tây Bắc không thiếu vắng những hoa kì đá lạ: “ngọn cây luôn trong mây như tranh vẽ” (Giáp mặt bạn nói chuyện). Vờn trong mây là tiếng chim hót rộn rã. Tiếng chim xua tan cả những âu sầu vì thiếu quân lương, giữa lúc giặc hung bạo như bầy điều quạ (Thiếu quân lương). Tiếng chim như một thanh âm giải trí làm nổi lo bạc cả tóc voi bớt đi phần nào (Đêm lữ thứ). Tiếng chim kêu như thanh âm trầm ả nói hộ lời chia tay với người bạn đi xa trong chiều hoàng hôn (Tiễn người về). Cũng có khi, lòng thanh thản vô cùng, chim và vượn vui đùa trong gió chiều. Khí trời khi mùa xuân đến thanh sạch, từng đôi chim én bay giữa rừng trúc dài vượn trắng (Ngày xuân tức sự). Cảnh và tình cứ hoà quyện để làm nên những vần thơ vương vít. Tất cả những bức tranh thơ về thiên nhiên của Nguyễn Quang Bích mang một vẻ riêng so với các nhà thơ khác đương thời, nó đều ở trạng thái động, vạn vật không vô tri mà luôn có linh hồn. Mỗi khúc suối, mỗi dòng thác, mỗi cơn mưa luôn rộn rã, chuyển động. Thiên nhiên như những người bạn biết cảm thức, biết vui buồn, biết sẻ chia cùng tác giả. Chính vì vẻ đẹp nguyên sơ mà lãng mạn này nên Tuần phủ Hưng Hoá đã cảm thấy vui bớt sầu lo giữa những ngày quân dịch thiếu đói, ông thấy mình như đang được ở giữa cõi tiên, chốn Thiên Thai tịnh độ, thấy mình như đang cùng Đào Uyên Minh thưởng ngoạn.

*Chẳng hay Thiên Thai là chốn nào,
Nơi đây, vườn cây đây hoa đào nở.*

(Lên núi Thái Bình)

Có thể khẳng định rằng, từ bức tranh thiên nhiên rộng lớn, đa cảnh vật, người đọc có thể thấu cảm tình yêu quê hương đất nước tha thiết của tác giả. Những cảnh đẹp nơi đây là một minh chứng lãng mạn về tình cảm của tác giả

với đất nước và là căn nguyên lý giải cho những hành động xả thân cứu quốc quên thân của Tuần phủ. Hiển nhiên, trong khung trời Tây Bắc ấy, Nguyễn Quang Bích không thể không nhắc tới đời sống con người. Bức tranh thơ về con người như một lời cảm tạ kín đáo, ân tình.

2.2. Con người Tây Bắc

Bức tranh Tây Bắc trong thơ Nguyễn Quang Bích không chỉ được khắc hoạ bởi vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn mang vẻ đẹp bình dị, âm áp và bản sắc tộc người. Mặc dù số bài thơ viết về con người Tây Bắc không nhiều và còn chưa thực sự khắc hoạ trọn vẹn chân dung và tâm hồn nhưng người đọc cũng có thể khái lược được một vài phương diện về cuộc sống nơi đây. Từ xa nhìn lại, cuộc sống của cư dân Tây Bắc được bao quát bởi hình ảnh nếp nhà thấp thoáng trong màn mưa diêu vợi. Đường hành quân quan tái vạn dặm trùng xa, nếp nhà xuất hiện đem đến một cảm giác bình yên và ấm cúng. Trên triền núi, nhà sàn thưa thớt, không co cụm thành thôn xóm như đồng bằng quê hương nhà thơ. Trong bài *Thấy ruộng lúa xứ Chiêu Tấn* (Bình Lư, Phong Thổ), nhà thơ ghi lại:

*Nhà dân ở rời rạc, không thành thôn xóm,
Sóng lúa rạp rờn xanh biếc, che phủ cả đồi
và vườn*

Sức nhà nông bỏ ra không mấy

*Dẫn nước tưới ruộng xong, thường thũng
thình đi trên lối đá.*

So với các nhà thơ trung đại đương thời, Nguyễn Quang Bích đang xa rời thi pháp sáng tạo truyền thống. Khi viết về con người trong bức tranh thiên nhiên, nhà thơ trung đại thường chọn mô típ tứ thú (ngư, tiều, canh, mục) quen thuộc. Nguyễn Quang Bích khước từ công thức này. Ông chọn cho mình hệ thống nhân vật trữ tình với các thức thể hiện mới. Việc kéo gần khoảng cách giữa văn chương với hiện thực đánh dấu sự hiện đại hoá nội sinh và là công lao to lớn của nhiều tác giả trong đó có Nguyễn Quang Bích.

Thơ Nguyễn Quang Bích tạo ấn tượng mạnh với người đọc khi nhắc tới *bức tranh đời sống đa dạng của nhiều tộc người*. Ông có cái nhìn phát hiện bằng việc miêu tả lại thực tế sinh hoạt

mắt thấy tai nghe. Ở Tây Bắc, các tộc người sống ít quần cư, dân cư thưa thớt nhưng khi đoàn tụ lại có thái độ thân tình vui vẻ. Họ rất dễ gắn kết lại với nhau. “Người Nùng ở lẫn với người Mèo đi lại rộn cả đầu ghènh”. Họ sử dụng ngôn ngữ bản địa phong phú: “Nói lú lô như tiếng người nước khác”. Nhà văn chú ý tả thực, cụ thể cuộc sống sung túc tốt đẹp của người Nùng, người Dao. Không mĩ từ phô trương, xa rời lối viết trừu tượng, ước lệ, trọng trung, tác giả dường như đặt tâm trạng của mình cuộc sống lao động của người dân miền núi. Nguyễn Quang Bích làm thơ bằng trực cảm. Những thơ nhám đời thường bước thẳng vào trang văn. Về hình thức bề ngoài, bà con dân tộc còn xăm mình “dân theo tục cổ mình còn vẽ”. Dân cư miền núi sống bên ven nước, tiền sâu thành quan như sâu cá. Phương tiện lao động là ngựa thồ. Kiến trúc nhà ở đơn giản và thói quen dán giấy “Cửa sổ giấy hồ che kín mít” (Trọ ở phố Tân Nhai). Những gác nứa dẫn nước suối về. Khói bếp lẫn lộn với khói mây. Bà con dân tộc Tây Bắc sống chan hoà với thiên nhiên và trân trọng tự nhiên. Mỗi tộc người có đời sống văn hoá như ăn, ở, mặc rất riêng. Nhà sàn của bà con dân tộc Thái thường làm ở chân núi, ngay sát bờ nước, vì người Thái quan niệm “có nước mới có ruộng”.

Nhà sàn toàn làm ở chân núi, ngay sát bờ nước

Người qua lại buôn bán đổi chác cũng ít

Trong chợ, khăn địu con ở sau lưng, người Nùng, người Mèo lẫn lộn

Hỏi người trên đường, biết chợ họp theo phiên.

(Phong tục biên giới)

Ngược lại người Mèo, người Nùng lại làm nhà “trên núi cao muôn trượng”, do người Mèo “ăn theo sương mù”. Căn nhà cỏ tịch mịch thưa thớt trên đỉnh núi, ẩn trong mây trắng:

Đường dọc ngang men vách đá, dẫn tới ngàn ngọn núi xa

Trong lớp mây phong san sát, những nhà người Nùng và người Mèo.

(Lên núi Thái Bình)

Đời sống kinh tế người Tây Bắc cũng được Nguyễn Quang Bích quan tâm. Ông nhận thấy

giao thương ở đây bình lặng, không có cái ồn ào, tấp nập như đồng bằng. Chợ họp theo phiên trong thung lũng do dân chúng không sống quần cư nhưng lại xuất hiện nhiều khách buôn. Khi đi chợ, bà con dân tộc ít người thường đi con sau lưng. Phương thức canh tác là ruộng bậc thang mà theo tác giả là nó “uốn như cánh cung”. Cuộc sống êm đềm như dòng suối nhỏ chảy trong những ngày nắng nhẹ.

Nguyễn Quang Bích cũng chú ý tới đời sống tín ngưỡng của nhân dân Tây Bắc. Tục lệ thờ thần đường như là tín ngưỡng phổ biến ở vùng miền núi và không có các tôn giáo lớn như vùng đồng bằng. Mỗi khi nước dâng cao do mưa lụt, bà con dân tộc ít người lại khẩn thần nước bằng các “truyền ngôn” huyền bí. Điều này tác giả không thể lí giải được:

Truyền ngôn hể khẩn nước rút liền,

Tựa hồ trên đầu có thần thiêng,

Chuyện kì quái đó khó biết rõ,

Cắm thuyền ngắm nghía nghĩ liên miên.

(Trên đường Hoài Lai)

Niềm vui, nỗi buồn của nhân dân lao động được ông găm vào trang viết với tất cả trái tim, của những ngày dằng dặc hành quân, của những đêm xa nhà mất ngủ. Tình cảm của người miền núi vùng Tây Bắc chân thành làm nhà thơ đến “trào nước mắt” (Được dân Mèo đón tiếp về nhà, cảm tác). Tâm hồn con người Tây Bắc mộc mạc, thẳng thắn như sông, như suối, cái bận rộn vắng bóng ở nơi đây. Người Tây Bắc thanh nhàn “thùng thình đi trên lối về”. Nhìn chung, họ có cuộc sống nội tâm vui vẻ, không bon chen, âu lo (Nghỉ ở nhà người Dao). Những hình ảnh cuộc sống giản đơn trong ghi chép của Nguyễn Quang Bích phù hợp với cảm thức của người miền núi. Tình cảm ấy bắt nguồn từ trong cuộc sống hàng ngày, bắt đầu từ những thấu cảm chia sẻ ngọt bùi với nhân dân. Ngòi bút của ông trĩu mến, trân trọng với sản phẩm lao động của người dân lao động: “Đẹp màu kém giấy mạn xuôi đây/ Nhưng được dùng lâu, cứng lại dày”. Ông không nhìn cuộc đời với điểm nhìn của một ông quan có quyền cao, chức trọng mà giống như một nông phu với các nông phu khác. Làm quan ở Tây Bắc, Nguyễn Quang Bích đã chạm, đã khắc vào lòng người đọc

những hình ảnh ban đầu của Tây Bắc dưới cái nhìn của người miền xuôi. Lời thơ về con người Tây Bắc giống như một tiếng nói tạ từ, tiếng nói biết ơn kín đáo.

3. KẾT LUẬN

Nhắc đến Nguyễn Quang Bích, người ta nhắc tới “người anh hùng của núi rừng”. Trong lịch sử chống Pháp thời kì đầu ở thế kỉ XIX, Nguyễn Quang Bích là quan Tuần phủ trách nhiệm và yêu nước. Trong lịch sử văn học, thơ văn của ông đã để lại những dấu ấn riêng biệt. Thi phẩm của Nguyễn Quang Bích được ghi dấu bởi mảng thơ viết về Tây Bắc – một lãnh địa mà đương thời vắng bóng cái nhìn trường độ từ các nhà thơ miền xuôi. Tây Bắc trong văn chương Nguyễn Quang Bích được hình tượng hoá ở hai phương diện: Thiên nhiên Tây Bắc và con người Tây Bắc. Thiên nhiên Tây Bắc vừa hiểm trở, hiểm nguy nhưng cũng đầy bình dị, thơ mộng và trữ tình. Con người Tây Bắc mộc mạc, hiền hoà, sống bình yên với những phong tục tập quán dung dị. Cuộc sống giữa đại ngàn trong những ngày chiến đấu, “tiên ưu hậu lạc”

đã khiến cho Nguyễn Quang Bích có cái nhìn mới về nhân sinh quan, thế giới quan so với các tác giả khác đương thời. Tiếng thơ của ông là một âm sắc lạ và mang tính tiên phong trong nền văn học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Kiều Hữu Hỷ, Lã Xuân Mai, Nguyễn Văn Bách, Đinh Xuân Lâm, *Thơ văn Nguyễn Quang Bích*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1973.
- [2]. Nguyễn Huy Thiệp, *Tuyển tập truyện ngắn*, Đỗ Hồng Hạnh tuyển chọn, giới thiệu, Nxb Văn hoá Sài Gòn, 2006.
- [3]. *Nguyễn Tuân tuyển tập*, Tập II, Nxb Văn học, Hà Nội, 1996.
- [4]. *Ngữ văn 12*, tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [5]. Trường Đại học Tây Bắc, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Ngôn ngữ và văn học vùng Tây Bắc”*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014.

OUTSTANDING FEATURES OF PEOPLE AND NATURE IN THE NORTHWEST IN POETRY BY NGUYEN QUANG BICH

Ngo Thi Phuong & Le Thi Xuan Lien
Tay Bac University

Abstract: *Nguyen Quang Bich was a great poet of early medieval literature against the French. His poetry has a big theme about the Northwest which has majestic and dangerous mountains; extreme weather; but poetic look; idyllic, warm life. The Northwest is also a living place of many ethnic minority people who are rustic and idyllic, relaxed and full of emotions. Through his poetry, readers can feel the author's great love for the motherland.*

Keywords: *Nguyen Quang Bich, poetry, Northwest.*

Ngày nhận bài: 03/8/2020. Ngày nhận đăng: 25/9/2020

Liên lạc: Ngô Thị Phương; e-mail: phuongngo@utb.edu.vn